

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 3 - 2025.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thả;

2. Bà Lý Thị Mỹ Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị X**, sinh năm 1986; địa chỉ: Khóm F, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Chế Thanh H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị X trình bày:

Chị và anh Chế Thanh H sống chung năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Việc sống chung là tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc, đến năm 2016 thì việc sống chung không còn hạnh phúc nữa, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Chế Thanh H. Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Chế Thanh H1, sinh ngày 24/02/2008 và Chế Mai T, sinh ngày 07/7/2011. Hiện 02 con chung đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị

yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.
Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn – Anh Chế Thanh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị X đối với anh Chế Thanh H.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Chế Thanh H1, sinh ngày 24/02/2008 và Chế Mai T, sinh ngày 07/7/2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận, chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị X là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Chế Thanh H là bị đơn, vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngô Thị X và anh Chế Thanh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị X và anh Chế Thanh H chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 07 tháng 9 năm 2007, Giấy đăng ký kết hôn số 103, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị X, anh H phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung, chị X

không còn tình cảm với anh H, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị X trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị X, anh H là do mâu thuẫn về tính tình, quan điểm sống, hiện tại mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh H là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị X được ly hôn với anh H.

[4] Về nuôi con chung: Chị X và anh H có 02 con chung tên Chế Thanh H1, sinh ngày 24/02/2008 và Chế Mai T, sinh ngày 07/7/2011 hiện 02 con chung đang sống cùng chị X. Nguyên vọng của chị X là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung khi ly hôn. Xét thấy, 02 con chung còn nhỏ, cháu Chế Thanh H1 bị khuyết tật, còn nguyên vọng của cháu Chế Mai T là muốn sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại, 02 con chung đang sống cùng chị X, để ổn định nghĩ nên giao 02 con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị X với anh Chế Thanh H.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Chế Thanh H1, sinh ngày 24/02/2008 và Chế Mai T, sinh ngày 07/7/2011 cho chị Ngô Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận, chị Ngô Thị X không yêu cầu anh Chế Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Chế Thanh H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận, chị Ngô Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị X đã nộp theo biên lai thu số 0006876 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, chị X đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị X và anh Chế Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Tân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Lan